TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **677**/2019/LĐ-PT
Ngày: 30/7/2019
V/v Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán: Bà **Phan Thị Út**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Liên Minh**

Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà **Phùng Thị Lan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/LĐPT ngày 19/11/2018 về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 21/2018/LĐ-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2949/2019/QĐPT-LĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Hoài Đ**, sinh năm 1976 *(vắng mặt)*

Địa chỉ cư trú: 24 Đường A, Khu dân cư B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Đình Bình**, sinh năm 1976; địa chỉ: 24 Đường A, Khu dân cư B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 330 ngày 09/01/2019 lập tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh). *(có mặt)*

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần H** (trước đây là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại H)

Trụ sở: Số 3 Lô CN6 Cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ E, Phường F, Quận G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Trung K**, sinh năm 1979; địa chỉ liên lạc: Tầng 3, Tòa nhà H, số 2 Đường I, Phường K, Quận L, Thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2019/UQTT-HY ngày 09/01/2019). *(có mặt)*

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – bà Lê Thị Hoài Đ và bị đơn - Công ty cổ phần H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

∗ Nguyên đơn - bà Lê Thị Hoài Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đình B trình bày:

Ngày 27/02/2003 bà Đ có ký hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM H.

- Loại hợp đồng: Không xác định thời hạn bắt đầu từ ngày 27/02/2003, trước đó bà Đ có thời gian thử việc 02 tháng tại Chi nhánh Công ty H.

- Chức vụ: Trợ lý Ban giám đốc

- Đến tháng 9/2003, Chi nhánh chuyển bà Đ qua Phòng bán hàng Công nghiệp. Tháng 6/2004, bà Đ được bổ nhiệm quyền trưởng phòng bán hàng công nghiệp.

- Mức lương từ tháng 6/2004 là: Lương 3.000.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 1.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng.

Ngày 15/7/2005, bà Nguyễn Thị Lan A gọi bà Đ lên phòng và thông báo cho bà Đ từ ngày 16/7/2005 bà Đ không được đến Công ty làm việc. Lý do bà Lan A đưa ra là do bà Đ bỏ vốn thành lập công ty khác cùng ngành nghề với công ty H nên không được làm việc ở Chi nhánh Công ty H.

Trong lúc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đ là lúc bà Đ đang mang thai 06 tháng, bà Đ nhiều lần liên hệ với bà Lan A yêu cầu giải quyết trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bà nhưng không được giải quyết, trong thời kỳ thai sản bà Đ cũng không được hưởng chế độ thai sản và chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Công ty H bồi thường cho bà Đ những khoản sau:

1. Tiền lương và các khoản phụ cấp cho những ngày không được làm việc: Từ ngày 16/7/2005 đến ngày 11/11/2011 là 75 tháng: 4.000.000 đồng x 75 tháng = 300.000.000 đồng; Bồi thường 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái luật: 4.000.000 đồng x 02 tháng = 8.000.000 đồng.

2. Tiền bồi thường do bà Đ không muốn trở lại làm việc tại Công ty H: Bồi thường tương đương 02 tháng tiền lương là 8.000.000 đồng.

3. Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước: 4.000.000 đồng x 1,5tháng = 6.000.000 đồng.

4. Trả trợ cấp thôi việc: 4.000.000 đồng x 3 tháng x ½ = 6.000.000 đồng.

5. Thanh toán tiền hoa hồng bán hàng theo quy định của Công ty: Theo quy định của Công ty H thì nhân viên bán hàng được hưởng hoa hồng khi bán hàng. Trước khi nghỉ việc Công ty H còn nợ bà Đ tiền hoa hồng bán hàng là 66.582.442 đồng. Cụ thể, mặt hàng bà Đ bán là bếp công nghiệp, máy giặt, sấy, ủi….hiện còn 06 hoa hồng của hợp đồng mà bà Đ vẫn chưa nhận được.

6. Công ty H có trách nhiệm đóng BHYT, BHXH và hoàn tất các thủ tục để bà Đ nhận sổ bảo hiểm xã hội, do Công ty không đóng nên bà yêu cầu được nhận với số tiền theo bảng tính tiền BHYT, BHXH là 53.450.000 đồng.

Từ những căn cứ trên bà Đ yêu cầu Công ty H phải bồi thường tổng số tiền là 394.582.442 đồng.

*** Bị đơn - Công ty TNHH SX-TM H nay là Công ty cổ phần H trình bày:**

Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại H (nay là Công ty cổ phần H) xác nhận Công ty có ký kết hợp đồng lao động với bà Lê Thị Hoài Đ. Mức lương mà bà Đ được hưởng tại thời điểm ký hợp đồng (năm 2003) là 700.000 đồng/tháng. Còn mức lương 4.000.000 đồng/tháng là mức lương vào năm 2005 cho vị trí phụ trách phòng bán hàng. Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà Đ có tham gia góp vốn thành lập Công ty Nam A và Công ty này có kinh doanh ngành nghề, lĩnh vực như Công ty H đang hoạt động. Khi biết được sự việc như vậy, bà Lan A có gặp bà Đ để trao đổi việc bà Đ tham gia thành lập doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh tương tự như ngành nghề kinh doanh của Công ty H, mà bà Đ lại đang làm việc cho Công ty H thì có thể tạo ra sự xung đột về quyền lợi giữa hai bên. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Đ, Công ty H có ý kiến như sau:

1. Không có việc Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Lê Thị Hoài Đ. Sau khi bà Lan A trao đổi về việc bà Đ góp vốn mở Công ty kinh đoanh mặt hàng tương tự như Công ty H đang kinh doanh thì bà Đ tự ý nghỉ việc rồi sau đó cho rằng Công ty H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với mình. Về việc này, Công ty H một lần nữa khẳng định đã tiến hành rà soát hồ sơ, tài liệu có liên quan nhưng không có tài liệu nào thể hiện Công ty H đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đ cũng như không tìm thấy đơn xin nghỉ việc của bà Đ. Việc bà Đ nghỉ việc hoàn toàn là chủ ý của bà Đ.

2. Việc Công ty H có chính sách trả hoa hồng thì Công ty H có ý kiến trình bày trong văn bản gửi Tòa án vào năm 2008. Theo đó, để được hưởng tiền hoa hồng phải đảm bảo các điều kiện cần thiết, trong khi đó bà Đ không thuộc trường hợp được hưởng hoa hồng nên không đồng ý với việc bà Đ đòi tiền hoa hồng đối với 06 hợp đồng như bà Đ đã yêu cầu do Công ty không có sự thỏa thuận nào với bà Đ về việc chi tiền hoa hồng cho bà Đ. Bà Đ phụ trách phòng bán hàng của Công ty H và có phụ cấp trách nhiệm. Nếu bà Đ trực tiếp bán hàng và đáp ứng đủ điều kiện như Công ty H đã trình bày thì mới được hưởng hoa hồng.

3. Bà Đ yêu cầu Công ty H đóng tiền bảo hiểm thì hiện nay Công ty H - Chi nhánh phía Nam đã đóng cửa nên hồ sơ của nhân viên bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được.

Do đó, Công ty H thấy rằng các yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với Công ty H là không có cơ sở pháp lý và Công ty không chấp nhận bất cứ yêu cầu nào từ phía bà Lê Thị Hoài Đ. Vì vậy, Công ty H đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

*** Tại bản án lao động sơ thẩm số 21/2018/LĐ-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài Đ như sau:

+ Buộc Công ty TNHH SX -TM H nay là Công ty Cổ phần H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Hoài Đ tổng cộng là 166.068.730 (một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám) đồng, bao gồm các khoản như sau:

- Tiền lương và các khoản phụ cấp cho những ngày không được làm việc từ ngày 16/07/2005 đến ngày 05/01/2007 là 17 tháng: 17 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 68.000.000 đồng;

- Bồi thường 02 tháng lương + phụ cấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 4.000.000 đồng x 02 tháng = 8.000.000 đồng;

- Tiền bồi thường do bà Đ không muốn trở lại làm việc tại Công ty H, tương đương 02 tháng tiền lương là 8.000.000 đồng;

- Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước: 3.000.000 đồng x 1,5 tháng = 4.500.000 đồng.

- Trả trợ cấp thôi việc: 4.000.000 đồng x 2 tháng x ½ = 4.000.000 đồng.

- Thanh toán lại tiền BHXH, BHYT cho bà Đ với số tiền là 25.450.000 đồng.

+ Thanh toán tiền hoa hồng bán hàng mà bà Đ được nhận là: 48.118.730 đồng.

Tổng cộng là 166.068.730 (một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi) đồng.

Thời gian thi hành: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lại suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Công ty TNHH SX-TM H nay là công ty Cổ phần H phải chịu số tiền án phí là 7.642.749 (bảy triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi chín) đồng.

- Bà Lê Thị Hoài Đ phải chịu án phí với số tiền là 923.185 (chín trăm hai mươi ba ngàn một trăm tám mươi lăm) đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 1.665.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 000146 ngày 24/04/2006 của Thi hành án dân sự Quận T – TP.HCM. Hoàn trả lại cho bà Đ số tiền 741.815 (bảy trăm bốn mươi mốt ngàn tám trăm mười lăm) đồng theo biên lai thu trên.

Thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2018 bị đơn Công ty TNHH SX-TM H nộp đơn kháng cáo: Yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10/10/2018 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo: Án sơ thẩm buộc Công ty TNHH SX-TM H thanh toán tiền lương cho bà Đ đến ngày Chi nhánh giải thể tháng 01/2011 và trả tiền hoa hồng 48.118.730 đồng là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH SX-TM H có nghĩa vụ trả lương cho bà Đ đến tháng 11/2011 là 300.000.000 đồng và tiền hoa hồng là 66.582.442 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hoài Đ ủy quyền cho ông Trần Đình B trình bày: Án sơ thẩm buộc Công ty TNHH SX-TM H thanh toán lại tiền BHXH, BHYT cho bà Đ với số tiền là 25.450.000 đồng bà Đ không kháng cáo. Nay tại phiên tòa phúc thẩm xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu BHXH và BHYT vì Công văn số 1338/BHXH-QLT ngày 14/6/2019 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty TNHH SX-TM H đã đóng BHXH cho cho bà Đ.

Ngoài ra bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH SX-TM H có nghĩa vụ trả lương cho bà Đ đến tháng 11/2011 là 300.000.000 đồng và tiền hoa hồng là 66.582.442 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH SX-TM H ủy quyền cho ông Trần Trung K trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH SX-TM H và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài Đ về phần tiền lương từ ngày 16/7/2005 đến ngày 11/11/2011. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ về hoa hồng. Đình chỉ rút yêu cầu BHXH- BHYT.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn ông Trần Đình B trình bày: Xin rút lại yêu cầu đòi BHXH và BHYT vì Công văn số 1338/BHXH-QLT ngày 14/6/2019 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty TNHH SX-TM H đã đóng BHXH cho bà Đ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi BHXH và BHYT của bà Đ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đ và yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH SX-TM H, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

Ngày 27/02/2003 bà Đ có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH SX-TM H. Công việc: Trợ lý Ban giám đốc.

Tháng 6/2004, bà Đ được bổ nhiệm quyền trưởng phòng bán hàng công nghiệp. Mức lương từ tháng 6/2004 là: Lương 3.000.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 1.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng.

Phía nguyên đơn trình bày: Ngày 15/7/2005, bà Nguyễn Thị Lan A gọi bà Đ lên phòng và thông báo cho bà Đ từ ngày 16/7/2005 bà Đ không được đến Công ty làm việc. Lý do bà Lan A đưa ra là do bà Đ bỏ vốn thành lập công ty khác cùng ngành nghề với công ty H nên không được làm việc ở Chi nhánh Công ty H.

Phía bị đơn trình bày: Không có việc Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Lê Thị Hoài Đ. Sau khi bà Lan A trao đổi về việc bà Đ góp vốn mở Công ty kinh doanh mặt hàng tương tự như Công ty H đang kinh doanh thì bà Đ tự ý nghỉ việc.

Án sơ thẩm nhận định như sau: *"Xét, lời khai của đại diện bị đơn là ông Nguyễn Đình N (được bà Lan A ủy quyền) tại các Biên bản đối chất do Tòa án tổ chức vào ngày 22/06/2006 (bl 267) Biên bản hòa giải ngày 29/06/2006 (bl 265) và các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình như Công văn số 17.CNHY/05 ngày 22/12/2005 của công ty H trả lời về việc khiếu nại của bà Đ (bl 282); Công văn số 07/UB - LĐTBXH ngày 11/02/2006 của Phòng LĐTBXH quận D (bl 78) trả lời khiếu nại của bà Đ về việc Công ty H cho bà Đ nghỉ việc mà không báo trước và không giải quyết các chế độ cho bà, thì có cơ sở để xác định là vào ngày 15/07/2005 phía Công ty H có bà Lan A là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với*

bà Đ và kể từ ngày 16/07/2005 bà Đ không được lên Công ty làm việc nữa. Sau đó mặc dù bà Đ không đến làm việc nhưng phía Công ty H cũng không có bất kỳ yêu cầu bồi thường hay ban hành các quyết định sa thải đối với bà Đ. Nên HĐXX có căn cứ xác định rằng phía Công ty H đã chấm dứt hợp đồng lao động số A200 ngày 27/02/2003 đối với bà Đ chỉ bằng lời nói mà không ban hành thông báo hay quyết định bằng văn bản. Phía bà Đ chỉ được thanh toán tiền lương đến ngày 15/07/2005 và phía Công ty thì chưa giải quyết các chế độ cho bà, nên nay bà Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết các chế độ cho bà là có căn cứ."

Nhận định trên của bản án sơ thẩm là không chính xác, bởi lẽ các Biên bản đối chất do Tòa án tổ chức vào ngày 22/06/2006 (bl 267), Biên bản hòa giải ngày 29/06/2006 (bl 265) và các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình như Công văn số 17.CNHY/05 ngày 22/12/2005 của công ty H trả lời về việc khiếu nại của bà Đ (bl 282); Công văn số 07/UB - LĐTBXH ngày 11/02/2006 của Phòng LĐTBXH quận D (bl 78) không thể hiện Công ty H đã chấm dứt hợp đồng lao động số A200 ngày 27/02/2003 đối với bà Đ chỉ bằng lời nói mà không ban hành thông báo hay quyết định bằng văn bản như án sơ thẩm nhận định.

Đồng thời bà Lan A có lời trình bày qua các bản tường trình vào các ngày 18/3/2008, 25/6/2018, 24/8/2018, 29/01/2019 bà Lan A xác nhận (dù là với tư cách cá nhân hay giám đốc Công ty H) thông báo (dù chỉ là lời nói hay thái độ) với bà Đ rằng Công ty H "chấm dứt" hay "sẽ chấm dứt" hợp đồng lao động với bà Đ. Sau khi bà Lan A nói chuyện với bà Đ về hành vi gian dối hoạt động kinh doanh cạnh tranh với Công ty H và lạm dụng vị trí trong công việc để đánh cắp thông tin của Công ty cho lợi ích cá nhân – vi phạm nội quy Công ty, quy định của Công ty H. Ngay hôm sau, tức là ngày 16/7/2005 bà Đ tự ý nghỉ việc. Phía nguyên đơn trình bày ngày 15/7/2005 bà Lan A gọi bà Đ lên phòng và thông báo miệng cho bà Đ từ ngày 16/7/2005 không cần đến Công ty làm việc nữa.

Xét thấy, bà Đ cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đ kể từ ngày 16/7/2005 nhưng bà Đ không có chứng cứ chứng minh, chỉ có lời trình bày là ngày 15/7/2005 bà Lan A thông báo miệng cho bà Đ nghỉ việc, nhưng bà Lan A – Giám đốc Công ty H không thừa nhận về việc này. Đồng thời các bên đều thừa nhận ngày 15/7/2005 bà Lan A gọi bà Đ vào nói chuyện thì ngày hôm sau là ngày 16/7/2005 bà Đ không đến Công ty làm việc cho đến nay. Như vậy có đủ cơ sở xác định bà Đ tự ý nghỉ việc. Do đó việc bà Đ cho rằng bà bị Công ty H chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Công văn số 1338/BHXH-QLT ngày 14/6/2019 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh biết về thời gian đóng BHXH của bà Đ như sau:

- Tháng 3/2003 đến tháng 7/2005 tham gia BHXH do Chi nhánh Công ty cổ phần H đóng.

- Tháng 8/2005 đến tháng 4/2012 tham gia BHXH do Công ty Nam A đóng.

- Tháng 6/2012 đến tháng 6/2019 tham gia BHXH do Công ty cổ phần quốc tế BT.

Như vậy sau khi bà Đ nghỉ việc tại Công ty H vào tháng 7/2005 thì tháng 8/2005 bà Đ sang làm việc tại Công ty cổ phần Nam A với chức danh Giám đốc tài chính. Do đó việc bà Đ khởi kiện cho rằng Công ty H chấm dứt hợp đồng lao động trái luật với bà Đ và yêu cầu Công ty H trả tiền lương và các khoản phụ cấp cho những ngày không được làm việc: Từ ngày 16/7/2005 đến ngày 11/11/2011 là 75 tháng: 4.000.000 đồng/tháng x 75 tháng = 300.000.000 đồng; Bồi thường 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái luật: 4.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 8.000.000 đồng. Tiền bồi thường do bà Đ không muốn trở lại làm việc tại Công ty H: Bồi thường tương đương 02 tháng tiền lương là 8.000.000 đồng. Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước: 4.000.000 đồng/tháng x 1,5tháng = 6.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản trợ cấp thôi việc: Bà Đ tự ý nghỉ việc thì xem như bà Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật lao động năm 1994, được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007 thì bà Đ không được trợ cấp thôi việc. Do đó việc bà Đ yêu cầu Công ty H trợ cấp thôi việc là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với tiền hoa hồng bán hàng:

Bà Đ yêu cầu Công ty H trả tiền hoa hồng là 66.582.442 đồng. Án sơ thẩm nhận định như sau:

"Bà Đ trình bày theo quy định của Công ty H thì nhân viên bán hàng được hưởng hoa hồng khi bán hàng. Trước khi nghỉ việc thì Công ty H còn nợ bà Đ tiền hoa hồng bán hàng là 66.582.442 đồng, nay yêu cầu Công ty thanh toán lại cho bà.

Xét, lời trình bày thừa nhận tại Công văn số 34/08/CV- HY (bl 223) do bà Lan A - Giám đốc công ty ký và nộp cho Tòa án thì bà Đ có ký Hợp đồng bán hàng đối với các khách hàng:

- Khách sạn SG - QN: Giá trị thanh toán là 910.649.480 VNĐ
- Công ty GĐ: Giá trị thanh toán là 19.057.200 VNĐ
- Nhà hàng AP: Giá trị thanh toán là 2695 USD
- Đơn hàng DC: Giá trị thanh toán là 396.165.000 VNĐ
- Nhà hàng QH: Giá trị thanh toán là 329.299.150 VNĐ
- Công ty B: Giá trị thanh toán là 233.614.211 VNĐ
- Công ty HL: Giá trị thanh toán là 1.711.669.000 VNĐ
- Công ty ATC: Giá trị thanh toán là 101.054.629 VNĐ.

Phía nguyên đơn cung cấp các Hợp đồng bán hàng, bản chiết tính hoa hồng bán hàng, các Giấy đề nghị thanh toán tiền là các bản phô tô nhưng không có bản chính để đối chiếu, còn phía bị đơn thừa nhận tại Công văn số 34/08/CV-HY (bl 223) là bà Đ đã có công và có ký Hợp đồng bán hàng đối với các khách hàng như trên. Do đó đối với yêu cầu này thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Khách sạn SG - QN, hoa hồng được nhận: 5.238.538 VNĐ
- Công ty GĐ, hoa hồng được nhận: 265.440 VNĐ
- Nhà hàng AP, hoa hồng được nhận: 851.620 VNĐ
- Đơn hàng DC, hoa hồng được nhận: 6.091.406 VNĐ
- Nhà hàng QH, hoa hồng được nhận: 4.861.976 VNĐ
- Công ty B, hoa hồng được nhận: 4.627.300 VNĐ
- Công ty HL, hoa hồng được nhận: 24.875.158 VNĐ
- Công ty ATC, hoa hồng được nhận: 1.307.292 VNĐ

Vậy số tiền hoa hồng mà bà Đ được nhận là: 48.118.730 đồng"

Nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm buộc Công ty H thanh toán tiền hoa hồng bán hàng mà bà Đ được nhận là 48.118.730 đồng là không đúng. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận trong hợp đồng lao động không quy định về tiền hoa hồng và Công ty không có văn bản nào về việc hưởng hoa hồng. Tuy nhiên nếu bán hàng và nhận tiền của khách hàng xong rồi nhân viên báo cáo đề xuất và phải được Giám đốc là bà Lan A duyệt rồi mới được nhận khoản tiền hoa hồng. Các bên đương sự đã xác nhận số tiền hoa hồng 66.582.442 đồng chưa được bà Lan A duyệt.

Tại Công văn số 34/08/CV-HY ngày 18/3/2008 bà Lan A – Giám đốc Công ty H xác nhận "bà Đ có làm việc với các khách hàng như: Khách sạn SG - QN: Giá trị thanh toán là 910.649.480 VNĐ; Công ty GĐ: Giá trị thanh toán là 19.057.200 VNĐ; Nhà hàng AP: Giá trị thanh toán là 2695 USD; Đơn hàng DC: Giá trị thanh toán là 396.165.000 VNĐ; Nhà hàng QH: Giá trị thanh toán là

329.299.150 VNĐ; Công ty B: Giá trị thanh toán là 233.614.211 VNĐ; Công ty HL: Giá trị thanh toán là 1.711.669.000 VNĐ; Công ty ATC: Giá trị thanh toán là 101.054.629 VNĐ". Vấn đề hoa hồng bán hàng căn cứ vào kết quả làm việc nhân viên chỉ được hưởng khi thực hiện đầy đủ các công việc sau: Tìm khách hàng; Làm báo giá; Thỏa thuận các điều kiện mua bán với khách hàng để ký hợp đồng với Công ty; Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, giải quyết phát sinh trong quan hệ giữa hai bên; Làm thủ tục thu được tiền của khách.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Phía đại diện nguyên đơn xác nhận khi bà Đ nghỉ việc thì chưa thu được tiền của khách hàng và phía Công ty cũng xác nhận bà Đ nghỉ việc chưa thu được tiền của khách hàng và Côngt y phải cử người khác làm thay việc này; do đó Công ty không đồng ý việc bà Đ đòi khoản tiền hoa hồng này. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn cho rằng sau khi ký hợp đồng với khách hàng, bà Đ được tiền hoa hồng và đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các giấy đề nghị thanh toán (bản photo) ngày 06/4/2005, 30/6/2005, 27/5/2005, 30/7/2005 và email ngày 09/01/2005 của bà T gửi cho bà Đ. Phía đại diện Công ty xác nhận các giấy đề nghị thanh toán (bản photo) ngày 06/4/2005, 30/6/2005, 27/5/2005, 30/7/2005 không phải của Công ty H và email ngày 09/01/2005 của bà T là email cá nhân giữa bà T với bà Đ, không liên quan gì đến Công ty.

Xét; Giấy đề nghị thanh toán (photo) ngày 06/4/2005, 30/6/2005, 27/5/2005, 30/7/2005 không có bản chính đối chiếu và không được phía Công ty thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì: "Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận". Do đó các phiếu trên không coi là chứng cứ để tòa xem xét. Đối với email ngày 09/12/2005 của bà T gửi cho bà Đ nhưng phía Công ty không thừa nhận và cho rằng đây là email cá nhân giữa bà Đ và bà T. Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ đòi tiền hoa hồng bán hàng là 66.582.442 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hoài Đ và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần H (trước đây là Công ty TNHH SX-TM H). Sửa bản án sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở chấp nhận.

Do sửa bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử sẽ xác định lại nghĩa vụ nộp tiền án phí sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi 66.582.442 đồng tiền hoa hồng của bà Đ, nên bà Đ phải chịu là 1.997.473 đồng. Bà Đ đã nộp 1.665.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000146 ngày 24/04/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ còn phải nộp thêm 332.473 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 244 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật lao động năm 1994, được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007; Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không nhận yêu cầu kháng cáo của nhận bà Lê Thị Hoài Đ và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần H (trước đây là Công ty TNHH SX-TM H).

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS -ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoài Đ đối với Công ty TNHH SX-TM H gồm các khoản sau: Tiền lương và các khoản phụ cấp cho những ngày không được làm việc từ ngày 16/7/2005 đến ngày 11/11/2011 là 75 tháng: 4.000.000 đồng x 75 tháng = 300.000.000 đồng; Bồi thường 02 tháng lương do đơn phương chấm dút hợp đồng trái luật: 4.000.000 đồng x 02 tháng = 8.000.000 đồng; Tiền bồi thường do bà Đ không muốn trở lại làm việc tại Công ty H: Bồi thường tương đương 02 tháng tiền lương là 8.000.000 đồng; Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước: 4.000.000 đồng x 1,5tháng = 6.000.000 đồng; Trả trợ cấp thôi việc: 4.000.000 đồng x 3 tháng x ½ = 6.000.000 đồng; Thanh toán tiền hoa hồng là 66.582.442 đồng.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi Công ty cổ phần H (trước đây là Công ty TNHH SX-TM H) đóng BHXH và BHYT cho bà Đ.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Đ phải chịu là 1.997.473 đồng (một triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi ba đồng). Bà Đ đã nộp 1.665.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000146 ngày 24/04/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ còn phải nộp thêm 332.473 đồng (ba trăm ba mươi hai ngàn, bốn trăm bảy mươi ba đồng).

5. Án phí lao động phúc thẩm: Bà Lê Thị Hoài Đ và Công ty cổ phần H không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) cho bà Lê Thị Hoài Đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011988 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng cho Công ty cổ phần H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011950 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận T;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Út